

Đổi mới kinh tế và chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của nhóm nước CLMV và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam*

TRẦN THỊ NGỌC QUYÊN

Trong bối cảnh thực hiện các cam kết trong Cộng đồng kinh tế ASEAN vào cuối năm 2015, các nước thành viên đã có nhiều nỗ lực trong điều chỉnh chính sách theo hướng hội nhập khu vực toàn diện. Bài viết này phân tích quá trình đổi mới kinh tế và tự do hóa chính sách thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ tại 4 quốc gia này, từ đó tập trung vào một số vấn đề đặt ra cho nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hội nhập tới.

Từ khóa: đổi mới kinh tế, chính sách thu hút FDI, lĩnh vực dịch vụ, CLMV.

1. Giới thiệu chung về nhóm nước CLMV

Trong ASEAN, nhóm nước CLMV gồm Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam là nhóm nước kém phát triển nhất và mở cửa muộn nhất. Sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển của nhóm CLMV so với nhóm còn lại thể hiện cả ở quy mô vốn của nền kinh tế, quy mô hoạt động của các doanh nghiệp, trình độ khoa học kỹ thuật, tay nghề lao động... Xét về năng lực cạnh tranh, trình độ phát triển kinh tế và tăng trưởng, CLMV xếp hạng rất thấp. Đối với môi trường kinh tế vĩ mô, hiện nay Việt Nam đứng thứ 75 trên thế giới, Campuchia đứng thứ 90, Mianma đứng thứ 116 và Lào là 124 (trong khi đó Xingapo thứ 15, Thái Lan thứ 19, Philippin thứ 26, Indônêxia thứ 34 và Malaixia thứ 44). Ngôn ngữ cũng là rào cản lớn khi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) thâm nhập vào Lào, Campuchia, Mianma, Việt Nam bởi tiếng Anh không phải là ngôn ngữ quốc gia và chủ yếu người dân vẫn sử dụng tiếng địa phương¹. Hơn nữa, các quốc gia thuộc nhóm CLMV đều có điểm tương đồng về kinh tế như: cơ sở phát triển nông nghiệp, công nghiệp khai khoáng và tài nguyên, đẩy mạnh xuất khẩu và thu hút FDI, thuộc nhóm nước có thu nhập thấp nhất tại ASEAN.

Dù vậy, đây cũng là những thành viên tích

cực đang triển khai các hoạt động nhằm hướng đến một Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và có những đổi mới đáng kể.

2. Quá trình đổi mới kinh tế tại CLMV

Theo xu hướng tại ASEAN, không chỉ có nhóm 6 nước phát triển trong khu vực, các nước CLMV cũng đã tích cực triển khai điều chỉnh chính sách kinh tế², cụ thể là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Campuchia, Quá trình đổi mới của Việt Nam và Kế hoạch 5 năm của Lào, đặc biệt Chính phủ Mianma tập trung thực hiện Năm chiến lược tăng trưởng.

Trong số các thành viên CLMV, Mianma đã từng là một nền kinh tế lớn của khu vực, sau một thời gian khá dài đóng cửa thì đến nay lại trở thành một thị trường mới nổi tại

Trần Thị Ngọc Quyên, TS., Trường đại học Ngoại thương.

* Bài viết này nằm trong khuôn khổ đề tài mã số II3.1-2013.35 được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) tài trợ.

1. Ví dụ, nếu doanh nghiệp muốn cung cấp các sản phẩm về nông nghiệp, thì họ cần hướng dẫn sử dụng, giới thiệu và truyền đạt kiến thức về trồng trọt một cách rõ ràng đến người nông dân Campuchia bằng ngôn ngữ nước này.

2. Kể từ năm 2011, Chính phủ của Thein Sein đã đưa ra hàng loạt sự đổi mới kinh tế, mà phần lớn có những ảnh hưởng tích cực đến môi trường kinh doanh của Mianma. Theo đánh giá của ADB năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP của quốc gia này là 6,5%.

ASEAN và hấp dẫn các nhà đầu tư³. Mianma là một trong những nước có nhiều tiềm năng phát triển. Với quyết tâm của Chính phủ, nền kinh tế Mianma đã có thay đổi toàn diện. Trong thời gian dài, Chính phủ đã kiểm soát chặt chẽ các nguồn lực phát triển và đóng vai trò kiểm soát đối với nền kinh tế chuyển đổi hướng tới thị trường thông qua các doanh nghiệp sở hữu nhà nước. Tuy nhiên, đến năm 2011, chính phủ đã đưa ra hàng loạt đổi mới kinh tế, mà phần lớn ảnh hưởng tích cực đến môi trường kinh doanh của nước này. Một điểm nổi bật là Mianma đã tập trung vào 5 chiến lược tăng trưởng: chiến lược nông nghiệp công cộng, chiến lược hướng về xuất khẩu, chiến lược hướng đến FDI, chiến lược hai cực tăng trưởng và chiến lược phát triển hành lang kinh tế nội địa. Về tổng thể, Chương trình đổi mới kinh tế của Mianma tập trung vào một số nội dung, đó là quản trị tốt, tính minh bạch và tiên lượng trong chính sách thu hút đầu tư nội địa và FDI, tự do hóa thương mại, tăng cường hợp tác kinh tế khu vực, giảm vai trò kinh tế của nhà nước tăng năng suất và cân bằng vốn chủ sở hữu một cách có hiệu quả.

Tiếp đến, Campuchia mặc dù là nước kém phát triển tại ASEAN và quá trình hội nhập tại AEC kém hơn so với nhóm 6 nước phát triển, thuộc nhóm CLMV, nhưng động thái chuẩn bị của Chính phủ nước này khá tích cực. Đây là quốc gia được đánh giá là cởi mở nhất trong khu vực với các chính sách kinh tế, cụ thể là các chính sách thu hút FDI.

Lào đang thực hiện chủ trương "thu hẹp khoảng cách và phát triển theo hướng hội nhập ASEAN (LLP)". Để đẩy nhanh tiến trình chuẩn bị AEC, các doanh nghiệp quốc doanh và tư nhân, Chính phủ nước này thông qua các hội thảo để nâng cao nhận thức về ASEAN và đã tập trung vào những mục tiêu quan trọng như cải thiện các quy chế, phát triển nguồn nhân lực

cùng hệ thống quản lý tài chính, nâng cao tiêu chuẩn và chất lượng sản xuất hàng hóa.

3. Thực tiễn chính sách thu hút FDI tại các quốc gia CLMV

3.1. Chính sách đổi mới toàn diện chính sách thu hút FDI tại Mianma

Trước năm 2011, Mianma là địa điểm đầu tư với nhiều hạn chế môi trường đầu tư⁴. Chính phủ nước này đã quốc hữu hóa đối với các khu vực tư nhân bao gồm hoạt động sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, phân phối, vận tải, truyền thông, bán buôn và bán lẻ cũng như ngân hàng, giáo dục tư nhân và nhiều lĩnh vực dịch vụ khác (Tin, 2006). Thực tiễn, từ năm 2011 đến năm 2015, quy định pháp lý liên quan đến FDI đã và đang được Chính phủ nước này bổ sung và có một số điểm nổi bật đáng ghi nhận nhằm xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh và hiệu quả hơn.

Tại Mianma, Chính phủ nước này cũng có chiến lược thu hút dòng vốn FDI thúc đẩy tăng trưởng (FDI-driven) nhằm xóa bỏ các quy định hạn chế hoạt động đầu tư này trong các văn bản pháp luật. Một là, các quy định liên quan đến thâm nhập và hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài đã có thay đổi rõ nét. Từ năm 2011, Mianma đã

3. Quốc gia này có diện tích là 678.500 km² và là một trong số những quốc gia có diện tích lớn trong khu vực, với đường biên giới giáp với 5 quốc gia là Ấn Độ, Apganixtan, Trung Quốc, Thái Lan và Lào, với dân số 51 triệu người. Theo đánh giá của ADB năm 2013, tốc độ tăng trưởng GDP của quốc gia này đạt 6,5%, trong đó hầu hết các mặt hàng tiêu dùng và công nghiệp tại nước này đều được nhập khẩu. Mianma được biết đến là nhà sản xuất thực phẩm và các nông sản khác như gạo và đậu. Bên cạnh đó, các nguồn tài nguyên như: đá quý, gỗ, khoáng sản, dầu lửa và gas tự nhiên... là khá phong phú, nguồn thủy sản có trữ lượng lớn, đất đai phì nhiêu đã tạo nên sức hấp dẫn đối với thu hút các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

4. Tháng 12-1987, Mianma nằm trong danh sách các quốc gia kém phát triển nhất do UN xếp hạng (Tin Maung Than 2010).

bắt đầu quá trình chuyển đổi, trong đó một nhân tố cốt lõi của chương trình nghị sự đổi mới kinh tế là xây dựng môi trường kinh doanh cạnh tranh và hiệu quả hơn. Các quy định liên quan đến thâm nhập và hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã có thay đổi rõ nét, cụ thể là chế độ tỷ giá hối đoái, Ngân hàng Nhà nước⁵, Luật Đầu tư nước ngoài 2012 và cấp giấy phép thương mại, quy định liên quan đến xuất nhập cảnh. Những đổi mới vĩ mô căn bản được tiến hành thành công tại quốc gia này là tái cấu trúc Ngân hàng Trung ương Mianma, nới lỏng các quy định về FDI và thành lập các khu kinh tế đặc biệt (SEZs) vào năm 2012 nhằm tăng cường thu hút FDI⁶. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được phép thâm nhập hoạt động trong nhiều lĩnh vực, không chỉ trong công nghiệp như khai khoáng, chế tạo mà nhiều lĩnh vực dịch vụ như ngân hàng, du lịch, xây dựng, bưu chính viễn thông... Hai là, Mianma cũng có chính sách phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Chính phủ thấy hài lòng khi quốc gia này đã có các khu kinh tế đặc biệt tiêu chuẩn quốc tế được trang bị với nhu cầu kinh doanh lớn về hệ thống cơ sở hạ tầng như cung cấp điện, nước và các tiện ích tại cảng biển. Đây là dự án hợp tác nỗ lực với hỗ trợ tín dụng của ba nhóm doanh nghiệp Nhật Bản là Sumitomo, Marubeni và Mitsubishi. Năm 2015, Chính phủ cho phép các khu kinh tế đặc biệt được bán các sản phẩm hoàn chỉnh ra ngoài, nhưng doanh nghiệp phải nhận được giấy phép hoạt động tại nước này theo luật của các khu kinh tế đặc biệt SEZs. Các chính sách liên quan đến thương mại cũng được nới lỏng, cụ thể, Bộ Thương mại đã bãi bỏ giấy phép xuất nhập khẩu và tăng mức thuế đối với hàng hóa được miễn thuế, trong mấy năm gần đây⁷.

Ba là, Chính phủ đã tăng cường quy định liên quan đến một số lĩnh vực, trong đó dịch vụ là ngành được quan tâm, cụ thể

là tài chính và ngân hàng. Ví dụ, Mianma cũng đã nới lỏng các giấy phép đối với hàng loạt ngân hàng tư nhân nước ngoài, cho phép họ cung cấp các dịch vụ ngân hàng quốc tế (Yin, 2013). Điều này sẽ giảm bớt độc quyền của ngân hàng nhà nước đối với hoạt động ngân hàng quốc tế và thương mại trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó hạn chế chuyển tiền và các hoạt động thanh toán khác ở nước ngoài. Mianma cho phép thành lập ngân hàng liên doanh để tạo điều kiện cho các giao dịch về vốn và tài chính của các doanh nghiệp, công dân nước ngoài khi lưu trú tại Mianma và để tăng năng lực về vốn cho hệ thống ngân hàng trong nước. Như vậy, mặc dù có những chuyển đổi đáng

5. Luật Ngân hàng trung ương (Central Bank Law) đã được thông qua năm 2013, trong đó trao quyền độc lập hơn cho Bộ Tài chính nhằm linh hoạt hơn trong quản lý khu vực tài chính.

6. Trong những ngành nhạy cảm, trong Luật đầu tư nước ngoài, Chính phủ có quy định phải thành lập liên doanh, ví dụ như bất động sản, khai khoáng, xuất khẩu. Chính phủ cũng đã thông qua luật quản lý ngoại hối mới, theo đó giảm bớt những hạn chế đối với chuyển và thanh toán ở nước ngoài (IMF 2013a và Yin 2013). Quốc gia này cũng đã có những quy định giảm rào cản khác đối với giao dịch và thương mại quốc tế, bao gồm cả chính sách đầu tiên về xuất khẩu, trong đó yêu cầu rằng tất cả các hoạt động nhập khẩu được thanh toán phù hợp với quy trình xuất khẩu (IMF 2013a).

7. Các chính sách liên quan đến lĩnh vực thương mại: Chính phủ Mianma cũng dỡ bỏ các rào cản trong hệ thống thương mại của nước này. Cải cách của quốc gia này hướng tập trung vào thể chế Chính phủ chính thức với mục đích xóa bỏ sự không hiệu quả, giảm bớt độc quyền và tăng cường ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh của khu vực tư nhân. Một trong những cải cách quan trọng nhất vào năm 2012 chính là chuyển đổi sang quản lý tỷ giá tự do hơn, xóa bỏ định giá cao, tỷ giá chính thức (IMF, 2013). Vào tháng 1-2014, chính phủ cho phép các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ một nhóm hàng đã đăng ký. Các doanh nghiệp muốn nhập khẩu hàng hóa từ trên 7 nhóm mặt hàng có thể đăng ký doanh nghiệp mới, độc lập với doanh nghiệp đang hoạt động. (Foreign Business person, 2014).

ghi nhận, tuy nhiên hiện nay, Chính phủ vẫn còn nhiều chính sách cần phải triển khai nhằm đổi mới khu vực tài chính và xây dựng thể chế.

Bốn là, Chính phủ đã triển khai các hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: về cơ sở hạ tầng và dịch vụ, nhằm tạo điều kiện thu hút vốn FDI và khuyến khích các hoạt động thu ngoại tệ, các đường bay quốc tế đã được mở từ Xingapo, Malaixia, Thái Lan và Việt Nam đến Thủ đô Yangon. Đồng thời, Chính phủ cũng tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động xuất nhập cảnh⁸.

3.2. Campuchia cởi mở với dòng vốn FDI

Campuchia được đánh giá là quốc gia cởi mở nhất đối với chính sách phát triển, cụ thể là các chính sách thu hút dòng vốn FDI. Campuchia đã là trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2004 sau 10 năm nỗ lực. Nước này đã giữ được mức tăng trưởng kinh tế ổn định khoảng 7,4% trong năm 2014 bất chấp những ảnh hưởng từ bất ổn chính trị hậu bầu cử và tình trạng đình công cuối năm. Đối với các năm 2015 và 2016, Ngân hàng Thế giới giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế của Campuchia ở mức 7% là mức dự báo cao nhất tại ASEAN. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng có chính sách liên quan đến việc thuê lao động nước ngoài, cấp visa và giấy phép lao động tại Campuchia cho công dân nước ngoài tại các chức vụ quản lý, kỹ thuật viên và công nhân có tay nghề cao, nếu như bằng cấp và chuyên môn này không có ở nước này⁹.

Thời gian qua, tăng trưởng kinh tế của Campuchia một phần được thúc đẩy do chính sách thu hút FDI theo hướng mở. Đây là một nước kém phát triển nhưng luôn coi trọng mở cửa và thu hút đầu tư từ nước ngoài. Các luật lệ về quản lý vốn FDI tại Campuchia được xây dựng để khuyến khích và thu hút đầu tư từ nước ngoài. Về các quy định liên quan đến thâm nhập và

hoạt động, tại Campuchia vốn FDI có thể được đầu tư ở nhiều lĩnh vực, trừ một số lĩnh vực¹⁰. Campuchia đã xây dựng Khung kế hoạch đánh giá đầu tư một cách minh bạch và công khai để tạo điều kiện công bằng và thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Chính phủ mở cửa đối với tất cả các lĩnh vực cho đầu tư nước ngoài ngoại trừ một số ngành liên quan đến an ninh quốc gia. Gần đây, Campuchia đã đưa ra mô hình khu kinh tế đặc biệt, đưa tất cả các hoạt động công nghiệp tập hợp lại một khu vực. Để quản lý các khu kinh tế đặc biệt, Hội đồng quản trị đặc khu kinh tế Campuchia (CSEZ) được thành lập, nằm dưới quyền kiểm soát của CDC. Khi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào mô hình khu kinh tế đặc biệt này thì sẽ được hưởng nhiều ưu đãi lớn. Cụ thể, nhà đầu tư nước ngoài sẽ được miễn thuế lợi nhuận trong vòng 8 năm, miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu, máy móc thiết bị, không phải chịu thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, đối với FDI trong khu kinh tế đặc biệt, các nhà đầu tư có thể sử dụng người lao động nước ngoài có chuyên môn lên đến 10% tổng số lao động.

Campuchia tập trung phát triển chính sách thương mại mở cửa để thu hút FDI, nới lỏng Luật Đầu tư và Luật Sở hữu, đồng

8. Mianma cho phép cấp visa ngay tại cửa khẩu cho các công dân nước ngoài đến nước này, trong đó quy định khách du lịch được lưu trú tại Mianma 28 ngày, doanh nghiệp được lưu trú 70 ngày và công vụ là 28 ngày. Đối với các nước thành viên ASEAN, Chính phủ đã áp dụng quy định miễn visa du lịch và chỉ hạn chế các công dân nước này đến Xingapo và Malaixia. Với Mianma, các chính sách của chính phủ nước này cũng được đánh giá rất cao.

9. Tài liệu 18, Luật Đầu tư của Campuchia đã được sửa đổi.

10. Nêu trong Mục 1 của Phụ lục I (danh sách hạn chế) của Nghị định số 111 liên quan đến thu hút FDI tại nước này.

thời tăng cường giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao. Quốc gia này đang có ưu đãi cao đối với các nhà đầu tư nước ngoài, cụ thể cho phép sở hữu nước ngoài 100% ở hầu hết các ngành. Campuchia là 1 trong 4 nước CLMV chuẩn bị cho hội nhập kém hơn các quốc gia khác trong ASEAN, nhưng xét về tổng thể thì những động thái chuẩn bị hội nhập AEC 2015, Campuchia vẫn vượt Lào, Việt Nam và Myanmar (ADB, 2014)¹¹.

3.3 Việt Nam với chính sách giảm dần các rào cản liên quan đến FDI

Một là, hệ thống luật đã dần điều chỉnh theo hướng tự do hóa, với các quy định liên quan đến FDI ngày càng thuận lợi. Các quy định liên quan đến thâm nhập và hoạt động của nhà đầu tư được mở rộng, cụ thể là nội dung của Luật Đầu tư 2015 và Luật Doanh nghiệp 2015 đã thể hiện rõ đặc điểm này¹². Đối với nhóm ngành nghề cấm kinh doanh, luật quy định rõ 6 nhóm cụ thể. Đối với nhóm ngành nghề kinh doanh có điều kiện phù hợp với những cam kết, các hiệp định mà Chính phủ Việt Nam đã tham gia. Bên cạnh đó, danh mục các lĩnh vực đầu tư có điều kiện cũng được đăng tải trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Đây là điểm được thể hiện khá mới và công khai minh bạch quy định pháp lý liên quan đến thâm nhập và hoạt động đầu tư của các chủ đầu tư so với quy định cũ trong Luật Đầu tư 2005.

Hai là, các lĩnh vực dịch vụ đã được tập trung và hướng quan tâm đến các nhà đầu tư. Trước đây, công nghiệp là hướng tập trung của Chính phủ Việt Nam, thì cũng như các nước khác hiện nay dịch vụ cũng trở thành lĩnh vực mở cửa đối với dòng FDI. Do cam kết tự do hóa trong ngành dịch vụ nên những quy định liên quan đến FDI trong ngành này cũng được nới lỏng, cụ thể là các lĩnh vực đầu tư như kinh doanh, truyền thông, xây dựng, phân phối, giáo dục, tài chính, y tế, du lịch, giải trí, vận tải...

Ba là, Chính phủ triển khai một số chính sách cụ thể liên quan đến FDI, như phát triển một số ngành dịch vụ, cung cấp lao động rẻ, lao động có kỹ năng cao. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng có những thay đổi liên quan đến luật và các quy định, thuận lợi hóa hoạt động kinh doanh; đối xử đầu tư ngang bằng, dịch vụ một cửa, các ưu đãi về thuế; chính sách xúc tiến đầu tư (thuế và phi thuế). Thực tế, trong số các nước ASEAN, chỉ còn 4 quốc gia thuộc CLMV là chưa có khung nghề chuẩn quốc gia, trong đó Việt Nam gặp nhiều khó khăn do thiếu chuẩn bị và những cơ sở nội tại như bằng cấp, ngoại ngữ, kỹ năng nghề nghiệp.

4. Cam kết liên quan đến đầu tư tại ASEAN

Thực tế, các quốc gia trên thế giới đều đã và đang dần nới lỏng các quy định liên quan đến thâm nhập và hoạt động cho các nhà đầu tư nước ngoài. Cùng với quá trình đó, các thành viên ASEAN cũng đã tham gia vào nhiều thỏa thuận nhằm đẩy mạnh tự do hóa đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ và hội nhập sâu rộng trong lĩnh vực này. ASEAN đã có nhiều hiệp định liên quan đến thuận lợi hóa lĩnh vực dịch vụ và di chuyển lao động trong khu vực. Cụ thể, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) 2009, Hiệp định khung về thương mại dịch vụ (AFAS) năm 1995 hướng tới dịch vụ di chuyển tự do, Hiệp định đầu tư toàn diện (ACIA) năm 2009 hướng đến vốn di chuyển và đầu tư tự do và Hiệp định di chuyển thể nhân (MNP) năm 2012 hướng

11. Ý kiến của Jayant Menon - Kinh tế trưởng của Văn phòng Hội nhập kinh tế khu vực của ADB.

12. Xem cụ thể Điều 6 và Điều 7 của Luật Đầu tư 2014. Các hình thức và lĩnh vực đầu tư đã được mở rộng cho các nhà đầu tư nước ngoài. Theo quy định mới của Luật Đầu tư có hiệu lực từ 1-7-2015, nội dung chỉ quy định ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Luật Đầu tư 2014).

đến tự do di chuyển đối với các nhà đầu tư và các lao động có tay nghề. Hiện nay là các cam kết giữa các nước thành viên trong khu vực nhằm hướng đến hình thành AEC vào cuối năm 2015 đã thúc đẩy lợi ích của thiết lập cơ sở hợp tác sản xuất và đầu tư.

Trong hơn 10 năm gần đây, FDI được đánh giá là nguồn vốn đầu tư quan trọng góp phần vào quá trình phát triển kinh tế tại nhiều quốc gia ASEAN (Masron and Shahbudin 2010). Cùng với quá trình tự do hóa về thương mại, xúc tiến đầu tư và đổi mới kinh tế là những nội dung quan trọng trong khuôn khổ cam kết của các nước này. Giai đoạn tới, triển vọng của khu vực này sẽ hình thành và phát triển sâu rộng cơ sở hợp tác sản xuất (co-production base) tại ASEAN (Porter and Bryden, 2010). Dòng vốn FDI vẫn tăng mạnh vào ASEAN và các nước CLMV, tác động đến tăng trưởng của các ngành dịch vụ.

Với những chính sách thuận lợi hóa đối với dòng vốn FDI, dần dần, nhóm nước này đã tạo được sự chú ý của các nhà đầu tư nước ngoài. Theo công bố của BIC về điều tra các công ty Nhật Bản hoạt động ở nước ngoài, Việt Nam đứng thứ 5, Mianma đứng thứ 8, Campuchia đứng thứ 17, Lào lần đầu tiên đứng thứ 20¹³. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ của nhóm 6 nước phát triển tại ASEAN cũng tập trung dòng vốn FDI tại nhóm nước này. Ví dụ: SAHA - doanh nghiệp sản xuất và phân phối hàng tiêu dùng lớn nhất của Thái Lan đã thành lập liên doanh tại Mianma (Tiger distribution & logistics). Còn đến năm 2016, tập đoàn này cũng tiến hành đầu tư tại Việt Nam trong lĩnh vực bất động sản và cung ứng hàng hóa. Nhiều ngân hàng lớn trên thế giới, trong đó của Malaixia cũng đã có giấy phép hoạt động tại Mianma. Các tập đoàn xây dựng tại Philippin cũng đã lựa chọn nhóm CLMV là địa điểm đầu tư trong thời gian tới.

5. Một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam

trong quá trình đổi mới kinh tế và thu hút dòng vốn FDI trong bối cảnh hình thành AEC

Với việc hình thành AEC vào đầu năm 2016, các quốc gia ASEAN-6 là thành viên lâu đời và có khả năng cạnh tranh cao sẽ có cơ hội thâm nhập thị trường của Campuchia, Lào, Mianma và Việt Nam. Đồng thời, khi tham gia vào cộng đồng này, CLMV cũng có nhiều cơ hội mở rộng thị trường, đa dạng hóa xuất khẩu, gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, để nắm bắt cơ hội này, Việt Nam phải thực sự nỗ lực với những bước đi phù hợp gắn cải cách trong nước với quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Một là, Việt Nam cần nỗ lực đổi mới thể chế kinh tế theo hướng thuận lợi hóa hơn nữa. Đây là điểm quan trọng vì thực tiễn tất cả các thành viên CLMV đều nỗ lực cải cách kinh tế vĩ mô, thuận lợi hóa môi trường kinh doanh.

Hai là, Chính phủ là đầu mối cùng các bộ cần có sự thống nhất và cụ thể hóa các chính sách quốc gia và thực hiện các cam kết quốc tế, đặc biệt là những cam kết hướng đến AEC. Các lĩnh vực dịch vụ đã và đang được các nước CLMV quan tâm sẽ có những cam kết đầy mạnh tự do hóa di chuyển hàng hóa, dịch vụ, vốn, nguồn lao động chất lượng cao giữa các thành viên ASEAN.

Ba là, Chính phủ cần xác định nhóm ngành chủ lực để tăng cường cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa những vẫn đảm bảo đối xử bình đẳng và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài thâm nhập và hoạt động tại thị trường Việt Nam.

13. Japan Bank for International Cooperation (JBIC), Survey Report on Overseas Business Operations by Japanese Manufacturing Companies, subtitled Results of the JBIC FY2013 Survey: Outlook for Japanese Foreign Direct Investment (25th Annual Survey), November 2013.

Bốn là, các
đổi mới kinh
được triển kh
đối với các cơ q
nghiệp nội địa v

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Kinh tế và Công nghiệp Việt Nam, "Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Triển vọng và thách thức", số 10, ngày 10/10/2013.
2. Trần Thị Ngọc C, "Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Triển vọng và thách thức", số 10, ngày 10/10/2013.
3. Trần Thị Ngọc C, "Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam: Triển vọng và thách thức", số 10, ngày 10/10/2013.
4. Luật Đầu tư 2014.

Bốn là, cần cập nhật thông tin cụ thể về đổi mới kinh tế và những chính sách đang được triển khai tại các quốc gia không chỉ đối với các cơ quan chính phủ mà cả doanh nghiệp nội địa và người dân./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Kinh tế trung ương và Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội (2014, "Hướng tới Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam", Hà Nội, ngày 28-10-2014.
2. Trần Thị Ngọc Quyên (2015a.), Đổi mới kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư tại Mianma, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới số 4 (228), tháng 4.
3. Trần Thị Ngọc Quyên ((2015b.), Cam kết trong lĩnh vực dịch vụ và di chuyển lao động hướng đến cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và một số vấn đề đặt ra cho Việt Nam, Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 77.
4. Luật Đầu tư 2014.
5. Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2014), Tạp chí Hội nhập, số tháng 7-8, Hà Nội.
6. A Productivity Organization, APO productivity databook 2014, (pp.57-87).
7. ASEAN Investment Report 2012 and ASEAN Statistics, ASEAN Secretariat and UNCTAD.
8. Panutat Satchachai, Analysis of the opportunities and barriers to investment in selected ASEAN countries, Workshop on "Asian Comprehensive Investment Agreement - ACIA" beetwen Foreign Trade University (FTU) and International Institute for Trade and Development (ITD), Thailand in FTU, Hanoi, 26th May 2015, Faculty of Economics, Chulalongkorn University, Thailand.
9. Turnell (2014), Banking and Financial Regulation and Reform in Myanmar, Journal of Southeast Asian Economies Vol.31, No2, pp.225-240.
10. UNCTAD, World Investment Report (WIR) 2015, Reforming International Investment Governance.